

TẬP VIẾT CHỮ HÁN

Theo giáo trình Hán ngữ phiên bản mới

Bản quyền thuộc về Công ty cổ phần sách MCBooks theo hợp đồng chuyển nhượng giữa công ty và nhóm tác giả Kaixin Chủ biên: Chu Hồng Hạnh. Bất cứ sự sao chép nào không có sự đồng ý của công ty cổ phần sách MCBooks đều là bất hợp pháp và vi phạm luật xuất bản Việt Nam.

Lượt bản quyền quốc tế và công ước Berne về bản quyền sở hữu trí tuệ.

Với phương châm của chúng tôi là “Knowledge Sharing - Chia sẻ chi thức” chúng tôi mong muốn được hợp tác với các tác giả trong nước để chia sẻ những phương pháp học, những cuốn sách hay và chất lượng đến với độc giả Việt Nam.

Các tác giả viết sách có nhu cầu xuất bản, xin liên hệ với chúng tôi qua thông tin phía dưới,

MCBooks
KNOWLEDGE SHARING

LIÊN KẾT XUẤT BẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH MCBOOKS

- Địa chỉ:** Ô số E34, Khu đấu giá 3ha, Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại:** 0986.066.630 - Máy bàn: 1900252598
- Email:** thongtinsach@mcbooks.vn
- Website:** www.mcbooks.vn

Fanpage Facebook:

<https://www.facebook.com/mcbooksvn>



Kênh Youtube:

<https://www.youtube.com/mcbooksvn>



Instagram:

<https://www.instagram.com/mcbooksvn>



**QUÉT
MÃ
QR
ĐỂ
TRUY
CẬP**

KAIXIN

Chủ biên: Chu Hồng Hạnh

TẬP VIẾT CHỮ HÁN

Theo giáo trình Hán ngữ phiên bản mới

汉字练习本

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

LỜI GIỚI THIỆU

Các bạn đọc thân mến!

Chúng ta đều biết, chữ Hán thuộc hệ chữ tượng hình, nó khác hoàn toàn với hệ chữ Latinh mà người Việt chúng ta đang sử dụng. Bởi vậy, hiện nay, đa số những người học tiếng Trung Quốc nói chung đều có tâm lý sợ học chữ Hán, đặc biệt là với những người mới bắt đầu.

Để giúp đỡ các bạn học tốt chữ Hán ngay từ trong những giai đoạn ban đầu, chúng tôi đã chọn lọc và biên soạn cuốn “Tập viết chữ Hán - Dựa theo giáo trình Hán ngữ phiên bản mới”.

Cuốn sách này được biên soạn với nội dung bám sát giáo trình Hán ngữ sơ cấp phiên bản mới. Các chữ Hán được soạn ra từ hệ thống từ mới của từng bài, đi kèm phiên âm, nghĩa Hán Việt và nghĩa gốc của từng từ. Phần tập viết phiên âm và tập viết các chữ Hán theo thứ tự từng nét một sẽ giúp các bạn học và nhớ chữ Hán lâu hơn. Cuốn sách sẽ là người bạn đồng hành thân thiết, hỗ trợ đắc lực cho các bạn yêu thích và muốn học tốt tiếng Trung.

Chúng tôi hy vọng với cuốn sách này, các bạn sẽ cảm thấy việc học chữ Hán đơn giản, nhẹ nhàng hơn.

Trong quá trình biên soạn và in ấn, không tránh khỏi có những sai sót, mong các thầy cô và các bạn học viên góp ý kiến bổ sung để cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

BAN BIÊN TẬP

汉字练习本

Chữ Hán có 214 bộ thủ , phần lớn các bộ thủ của 214 bộ đều là chữ tượng hình và hầu như dùng làm bộ phận chỉ ý nghĩa trong các chữ theo cấu tạo hình thanh (hay hài thanh). Mỗi chữ hình thanh gồm bộ phận chỉ ý nghĩa (hay nghĩa phù 義符) và bộ phận chỉ âm (hay âm phù 音符). Đa số Hán tự là chữ hình thanh, nên tinh thông bộ thủ là một điều kiện thuận lợi tìm hiểu hình-âm-nghĩa của Hán tự.

5

12	黄 黍 黑 箭
13	鼯 鼎 鼓 鼠
14	鼻 齊
15	齒
16	龍 龜
17	禽

STT	BỘ	TÊN BỘ	PHIÊN ÂM	Ý NGHĨA
1	一	NHẤT	yì	số một
2	丨	CÔN	kūn	nét sổ
3	丶	CHỦ	zhǔ	điểm, chấm
4	丿	PHIỆT	piě	nét sổ xiên qua trái
	㇏	PHÁT	Fú	nét sổ xiên qua trái dạng 2
	㇏		Yí	nét sổ xiên qua trái dạng 3
5	乙	ẤT	yī	vị trí thứ 2 trong thiên can
	乚	ẤT	Yīn	vị trí thứ 2 trong thiên can dạng 2
	一	ẤT	Ya	vị trí thứ 2 trong thiên can dạng 3
6	乚	QUYẾT	jué	nét sổ có móc
7	二	NHỊ	ér	số hai
8	亠	ĐẦU	tóu	
9	人(亻)	NHÂN (NHÂN ĐỨNG)	rén	người
10	儿	NHI	ér	Trẻ con
11	入	NHẬP	rù	vào
12	八	BÁT	bā	số tám
13	冂	QUYNH	jiōng	vùng biên giới xa/hoang địa
14	冂	MỊCH	mì	trùm khăn lên
15	冫	BĂNG	bīng	nước đá
16	几	KỶ	jǐ	ghế dựa
17	凵	KHÂM	kǎn	há miệng
18	刀(刂)	ĐAO	dāo	con dao, cây đao (vũ khí)
19	力	LỰC	lì	sức mạnh
20	勹	BAO	bāo	bao bọc
21	匕	CHỦY	bǐ	cái thìa (cái muỗng)
22	匚	PHƯƠNG	fāng	tủ đựng
23	匚	HỆ	xǐ	che đậy, giấu giếm
24	十	THẬP	shí	số mười
25	卜	BỐC	bǔ	xem bói
26	尸	TIẾT	jié	đốt tre

Tập
Viết
Chữ
Hán

27	厂	HÁN	hàn	sườn núi, vách đá
28	厶	KHU, TƯ	sī	riêng tư
29	又	HỰU	yòu	lại nữa, một lần nữa
30	口	KHẨU	kẩu	cái miệng
31	凵	VI	wéi	vây quanh
32	土	THỔ	tǔ	đất
33	士	SĨ	shì	kẻ sĩ
34	夂	TRÍ	zhǐ	đến ở phía sau
35	夊	TUY	sūi	đi chậm
36	夕	TỊCH	xì	đêm tối
37	大	ĐẠI	dà	to lớn
38	女	NỮ	nǚ	nữ giới, con gái, đàn bà
39	子	TỬ	zǐ	con trai; ĐTNX ngôi thứ 2
40	宀	MIỀN	mián	mái nhà, mái che
41	寸	THỐN	cùn	đơn vị «tấc»(đo chiều dài)
42	小	TIỂU	xiǎo	nhỏ bé
43	尢	UÔNG	wāng	yếu đuối
44	尸	THI	shī	xác chết, thầy ma
45	屮	TRIỆT	chè	mầm non, cỏ non mới mọc
46	山	SƠN	shān	núi non
47	川	XUYẾN	chuān	sông ngòi
48	工	CÔNG	gōng	người thợ, công việc
49	己	KỶ	jǐ	bản thân mình
50	巾	CÂN	jīn	cái khăn
51	干	CAN	gān	thiên can, can dự
52	幺	YÊU	yāo	nhỏ nhắn
53	广	NGHIÊM	ān	mái nhà
54	彳	DẪN	yǐn	bước dài
55	扌	CỦNG	gǒng	chấp tay
56	弋	DẠC	yì	bắn, chiếm lấy
57	弓	CUNG	gōng	cái cung (để bắn tên)
58	㇏	KÊ	jì	đầu con nhím
59	彡	SAM	shān	lông, tóc dài
60	彳	XÍCH	chì	bước chân trái
61	心(忄)	TÂM (TÂM ĐÚNG)	xīn	quả tim, tâm trí, tấm lòng
62	戈	QUA	gē	cây qua(một thứ binh khí dài)
63	户	HỘ	hù	cửa một cánh
64	手(扌)	THỦ (TÀI GÂY)	shǒu	tay

KẾT CẤU CHỮ HÁN

Tập

Viết

Chữ

Hán

一、结构单位 (Đơn vị kết cấu):

(1) 笔画 Nét bút (Bút hoạ):

1、定义 Định nghĩa:

构成汉字字形的各种特定的点和线、也是汉字的最小结构单位。根据楷书书写要求、从落笔到抬笔即为一笔、又叫一画、合称笔画、笔画的具体形状叫笔形。

Bút hoạ là các chấm và đường tạo nên hình thể chữ Hán, cũng là đơn vị kết cấu nhỏ nhất của chữ Hán. Theo yêu cầu khi viết chữ Khải, từ lúc hạ bút đến lúc nhắc bút là một nét (*nhất bút*), còn được gọi là một nét vẽ (*nhất hoạ*), hợp xưng “bút hoạ”, hình dáng cụ thể của “bút hoạ” gọi là “bút hình”.

古文字没有笔画的概念。篆书笔形圆转、浑然一体、很难分出落笔和起笔的位置。从隶书开始逐渐形成了平直的笔画、但有些字或偏旁究竟写成几笔、并没有定规、例如“口”、直到楷书逐渐形成了著名的“永字八法”、才确定了汉字的笔画系统。

Văn tự cổ không có khái niệm “bút hoạ”. Chữ Triện hình dáng tròn trịa, các nét dính liền với nhau, rất khó phân định vị trí hạ bút và nhắc bút. Từ chữ Lệ trở đi bắt đầu hình thành các nét bút thẳng, nhưng có một số chữ hay bộ thủ được viết với bao nhiêu nét vẫn không có quy định cụ thể, ví dụ chữ “口”(khẩu). Cho đến khi xuất hiện “Vĩnh tự bát pháp” (8 nét chính của chữ Vĩnh) nổi tiếng của chữ Khải thì mới xác định được hệ thống “bút hoạ” của chữ Hán.

2、基本笔画 Các nét cơ bản:

传统的王羲之“永”字八法把汉字笔画分为：“点、横、竖、撇、捺、挑、折、勾。

Các nét cơ bản căn cứ vào tám nét chính trong chữ 永 (vĩnh) của Vương Hy Chi, những nét này là cơ sở cấu thành chữ Hán.

a、点 Chấm:

、主

•短点 chấm ngắn:

商、母、兴、鬯

•长点 chấm dài:

双、头

•挑点 chấm hất:

河、求、冷、凉

•左点 chấm trái:

办、刃、心、必

• 撇点 phẩy chấm:

女、巡

6、 横 Ngang:

一、大

• 平横 ngang bằng:

工、平、天、干

7、 竖 Sổ:

丨 十

• 短竖 sổ ngắn:

师、临、坚、归

• 长竖 sổ dài:

干、丰、中、车

Top
Viết
Chữ
Hàn

㇏ 撇 Phảy:

ノ 八

• 长撇 phảy dài:

刀、无、勿、为

• 短撇 phảy ngắn:

面、白、舟、北

• 卧撇 phảy nằm:

千、白、乘、乔

• 竖撇 phảy sổ:

月、川、头、周

• 竖折撇 sổ gập phảy:

专

4、笔画的组合方式 Các hình thức tổ hợp của nét bút:

a、相离 cách nhau:

笔画与笔画之间互相分离，没有接触之处 Các nét bút tách rời nhau, không có điểm tiếp xúc.

Ví dụ: 二、川、儿、心、习、刁。

b、相接 tiếp nhau:

笔画和笔画之间互相连接 Các nét bút tiếp xúc nhau.

Ví dụ: 人、入、几、刀、上、个。

c、相交 giao nhau:

笔画与笔画之间互相交叉 Các nét bút đan chéo nhau.

Ví dụ: 十、七、九、力、也、丰。

相同的笔画和笔顺，由于不同的组合关系，会形成不同的字。例如：几——九；人——入；刀——力。在汉字教学和书写中，需要特别加以注意。Các nét bút giống nhau, quy tắc bút thuận cũng như nhau nhưng có hình thức tổ hợp khác nhau cũng sẽ hình thành các chữ khác nhau. Ví dụ: 几——九；人——入；刀——力 Đây là điểm cần đặc biệt chú ý trong quá trình dạy học và viết chữ.

二、结构方式 Phương thức kết cấu

所谓结构方式，就是两个或两个以上构字成分在汉字中的位置排列的方式。汉字的结构方式，主要是针对合体字的结构方式而言。

Phương thức kết cấu là phương thức sắp xếp vị trí của các thành phần cấu tạo nên chữ Hán. Phương thức kết cấu của chữ Hán chủ yếu bàn đến phương thức kết cấu của chữ hợp thể.

有以下几种主要结构方式 Có các loại phương thức kết cấu chính sau:

- (1) 上下结构 kết cấu trên-dưới: 思、歪、品、冒、意、安、全
- (2) 上中下结构 kết cấu trên-giữa-dưới: 草、暴、意、竟、竞、冀、翼
- (3) 左右结构 kết cấu trái-phải: 好、棚、和、蜂、滩、往、明
- (4) 左中右结构 kết cấu trái-giữa-phải: 谢、树、倒、搬、撇、鞭、辩
- (5) 全包围结构 kết cấu toàn bao vây: 围、囚、困、田、因、国、固

(6) 半包围结构 kết cấu bán bao vây: 包、区、闪、这、句、函、风

(7) 穿插结构 kết cấu xuyên tâm: 噩、兆、非

(8) 品字形结构 kết cấu chữ phẩm: 品、森、聂、晶、磊、鑫、焱

三、笔顺 Bút thuận:

汉字笔画的书写顺序。Bút thuận là thứ tự viết các nét của chữ Hán.

(1) 一般规则 Quy tắc chung:

1、先横后竖 ngang trước sổ sau: 十、干、击、王、拜

2、先撇后捺 phẩy trước mác sau: 入、八、人、分、参

3、从上到下 trên trước dưới sau: 旦、星、章、军、叁

4、从左到右 trái trước phải sau: 阳、明、打、谢、啪

5、先外后内 ngoài trước trong sau: 周、风、问、同、用

6、先里头后封口 vào trước đóng sau: 田、目、团、国、围

7、先中间后两边 giữa trước hai bên sau: 小、水、木、永、兼

(2) 补充规则 Quy tắc bổ sung:

上述的笔顺只是一般的规则，由于汉字的结构复杂、形体变化多样，不同字的笔顺是上述规则的综合运用，而不一定过于拘泥。例如：

Các quy tắc bút thuận nêu trên chỉ là quy tắc chung, do kết cấu chữ Hán phức tạp, hình thể đa dạng, nên bút thuận của nhiều chữ là sự vận dụng tổng hợp của các quy tắc trên, không nên quá câu nệ. Ví dụ:

1、点在上边或左上，先写。

Nét chấm ở trên cùng hoặc bên trái, viết trước.

Ví dụ: 衣、为;

2、点在右上或里边，后写。

Nét chấm ở trên cùng bên phải hoặc bên trong, viết sau. Ví dụ: 我、瓦;

3、半包围结构

Kết cấu bán bao vây:

Tập

Viết

Chữ

Hán

上右和上左包围的，先外后里。

Bán bao vây trên-trái hoặc trên-phải, ngoài trước trong sau. Ví dụ: 句、压

左下包围的，先里后外。

Bán bao vây trái-dưới (bộ xước, bộ dẫn) viết sau cùng. Ví dụ: 边、廷

上边未包围的，先里后外。

Bán bao vây phía dưới, viết trong trước ngoài sau. Ví dụ: 凶、幽

下边未包围的，先外后里。

Bán bao vây phía trên, viết ngoài trước trong sau. Ví dụ: 用、同

右边未包围的，先上后里再右下。

Bán bao vây phía bên phải, viết nét trên cùng trước, sau đó viết phần phía trong rồi mới đến các nét còn lại. Ví dụ: 医、巨、匠

BÀI 1

I. Tập viết bộ thủ

Tập
Viết
Chữ
Hán

																			
Bộ nhân đứng																			
																			
Bộ Khẩu																			
																			
Bộ Mã																			
																			
Bộ nữ																			

大	一	ナ	太										
Bộ đại													
子	㇏	了	子										
Bộ tử													

汉字练习本

II. Tập viết chữ Hán

nǐ													
你	ノ	亻	亻	亻	你	你	你						
(nhĩ) anh, chị, bạn													
hǎo													
好	レ	女	女	女	好	好	好						
(hào) tốt, đẹp,...													

yī									
一	一								
(nhất) một									
wǔ									
五	一	丿	𠄎	𠄎	五				
(ngũ) năm									
bā									
八	丿	八							
(bát) tám									
dà									
大	一	丿	大						
(đại) to, lớn									
bù									
不	一	丿	丿	不					
(bất) không									

kǒu									
口	丨	冂	回						
(hào) tốt, đẹp...									
bái									
白	丿	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇				
(bạch) màu trắng									
nǚ									
女	レ	𡚨	女						
(nǚ) nữ, phụ nữ									
mǎ									
马	㇏	𠂇	𠂇						
(mǎ) con ngựa									